

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 230/QĐ-SIU ngày 28 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tư thực Quốc tế Sài Gòn)

Tên chương trình đào tạo:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo:	Đại học
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Mã ngành:	7340101
Chuyên ngành đào tạo:	Kinh tế đối ngoại

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Programme Objectives - POs):

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo hướng đến đào tạo những cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại chuẩn quốc tế hàng đầu Việt Nam, có kiến thức lý thuyết sâu rộng, kiến thức thực tế vững chắc về kinh tế đối ngoại; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại trong nước và thế giới.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- **PO1:** Sinh viên thành thạo các kỹ năng tiếng Anh giao tiếp.
- **PO2:** Sinh viên hiểu và biết cách sử dụng dữ liệu và các thông tin liên quan để giải quyết vấn đề.
- **PO3:** Sinh viên biết cách đánh giá thông tin và đưa ra giải pháp cụ thể.
- **PO4:** Sinh viên hiểu được các giá trị đạo đức và trách nhiệm xã hội khi đưa ra các quyết định kinh doanh.
- **PO5:** Sinh viên tiếp thu được các khái niệm chính về kinh tế, marketing, kế toán, tài chính, quản lý và nhân sự.
- **PO6:** Sinh viên nâng cao được tinh thần làm việc nhóm thông qua hợp tác và cộng tác.
- **PO7:** Sinh viên học được các kỹ thuật và chiến lược đa dạng nhằm giải quyết các vấn đề kinh doanh.

2. Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - PLOs):

Nhóm các PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
Kiến thức	PLO1: Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, triết học, chính trị và pháp luật vào trong lĩnh vực ngoại thương và kinh tế đối ngoại. PLO2: Vận dụng kiến thức ngoại thương, quan hệ kinh tế quốc tế, đàm phán kinh doanh quốc tế để giải quyết các vấn đề trong công việc của các tổ chức. PLO3: Vận dụng kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát thực hiện kế hoạch; quản lý, điều hành hoạt động ngoại thương, kinh tế đối ngoại của các tổ chức. PLO4: Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ vào trong công việc trong môi trường làm việc thay đổi nhanh chóng, đa dạng văn hóa và toàn cầu hóa.
Kỹ năng	PLO5: Phát hiện vấn đề phát sinh trong sản xuất, kinh doanh; phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề và đưa ra giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề. PLO6: Thực hiện việc lập kế hoạch, đánh giá các phương án, phân biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường thay đổi. PLO7: Thực hiện việc truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ trong kinh doanh và quản trị. PLO8: Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm. PLO9: Phát triển kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo ra việc làm cho mình và cho người khác. PLO10: Sử dụng thành thạo tiếng Anh và tin học trong hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và cuộc sống; Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.
Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO11: Thực hiện làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện kinh doanh thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. PLO12: Tổ chức việc hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. PLO13: Thực hiện việc tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

Nhóm các PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
	PLO14: Thực hiện việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức				Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14
PO1				x						x				
PO2	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x
PO3	x	x	x		x	x	x						x	x
PO4	x	x	x		x	x		x			x	x	x	x
PO5	x	x	x		x	x							x	
PO6							x	x	x		x	x	x	
PO7	x	x	x		x	x			x				x	x

4. Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp Chương trình này, người học có thể làm việc trong môi trường kinh doanh toàn cầu với sự cạnh tranh cao, khả năng thích ứng với công việc nhanh chóng nhờ được trang bị khối kiến thức hợp lý cả cơ bản, cơ sở và chuyên ngành, được chuyển tải vào kỹ năng nghề nghiệp, tố chất cá nhân, kỹ năng giao tiếp linh hoạt trong môi trường Quản trị hiện đại và Kinh doanh đa văn hóa. Định hướng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp Chương trình cử nhân kinh tế đối ngoại theo 2 nhóm ngành nghề chính:

(1) *Nhóm 1: Vị trí công việc có khả năng đảm nhận tại các doanh nghiệp*

Sinh viên chuyên ngành kinh tế đối ngoại sau khi tốt nghiệp sẽ có khả năng giải quyết các vấn đề kinh doanh tại các công ty đa quốc gia, công ty xuất nhập khẩu, công ty giao nhận,... Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các phòng kinh doanh, nhân sự, marketing, thanh toán quốc tế,... của các doanh nghiệp trong và ngoài nước hay tại các ngân hàng xuất nhập khẩu

(2) *Nhóm 2: Các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại*

Các công việc sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm là chuyên viên quan hệ quốc tế trong các cơ quan/vụ/viện về các vấn đề kinh tế đối ngoại và kinh doanh quốc tế như Bộ Công thương, Bộ Ngoại giao, Vụ hợp tác quốc tế của các Bộ, Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Quốc tế, Sở Kế hoạch & Đầu tư Sở thương mại, Cục xúc tiến thương mại,...

5. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ, chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng và An ninh.

7. Tiêu chí tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn.

7.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), theo tiêu chuẩn tuyển sinh của Bộ Giáo dục Đào tạo và tiêu chí tuyển sinh của Đại học Quốc tế Sài Gòn.

7.2. Hình thức tuyển sinh: Cập nhật hằng năm theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn. Đồng thời căn cứ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

8. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

8.1. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn.

8.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn.

9. Phương thức đánh giá:

Thực hiện theo Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn.

10. Nội dung chương trình đào tạo:

10.1. Các khối kiến thức:

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ %
1. Kiến thức giáo dục đại cương		50	41,67%
1.1.	Lý luận chính trị	11	
1.2.	Khoa học	11	
1.3.	Ngoại ngữ	13	
1.4.	Tin học	6	
1.5.	Văn hóa	9	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		60	50,00%
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	27	
2.2.	Kiến thức chuyên ngành	33	
3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	8,33%

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ %
3.1.	Thực tập tốt nghiệp	3	
3.2.	Khóa luận tốt nghiệp	7	
Tổng cộng:		120	100%

10.2. Nội dung chi tiết:

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
I.KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				50					
I.1. Lý luận chính trị				11					
I.1.01	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	45	0	0	105	
I.1.02	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	2	30	0	0	70	
I.1.03	2GEN0013	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	0	0	70	
I.1.04	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	2	30	0	0	70	
I.1.05	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	30	0	0	70	
I.2. Khoa học				11					
I.2.01	2GEN0008	Pháp luật đại cương	General Laws	2	30	0	0	70	
I.2.02	2SOC31494	Toán cao cấp	Advanced Mathematics	3	45	0	0	105	
I.2.03	2BUS21440	Xác suất và thống kê	Probability & Statistics	3	45	0	0	105	2SOC11494
I.2.04	2BUS32201	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Business Research Methods	3	45	0	0	105	
I.3. Ngoại ngữ				13					
I.3.01	2LAN22404	English Proficiency 1	English Proficiency 1	4	30	60	0	110	
I.3.02	2LAN22505	English Proficiency 2	English Proficiency 2	4	30	60	0	110	2LAN22404
I.3.03	2LAN22606	English Proficiency 3	English Proficiency 3	5	60	30	0	160	2LAN22505
I.4. Tin học				6					
I.4.01	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh	Image Processing Tools	2	15	30	0	55	
I.4.02	2GEN2097	Công cụ Quản lý dự án	Project Management Tools	2	15	30	0	55	

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
I.4.03	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu	Data Analytics and Visualization Tools	2	15	30	0	55	
I.5. Văn hoá				9					
Bắt buộc				6					
I.5.01	2ENG11491	Viết luận Anh	English Composition (*)	3	45	0	0	105	
I.5.02	2SOC11490	Văn hóa Mỹ	American Culture (*)	3	45	0	0	105	
Tự chọn (03 tín chỉ)				3					
I.5.03.01	2ENG11492	Viết văn Anh	English Expository Writing (*)	3	45	0	0	105	
I.5.03.02	2ENG11405	Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20	20 th Century British Novels	3	45	0	0	105	
I.5.03.03	2ENG12402	Văn học và Shakespeare	Shakespeare & Literature	3	45	0	0	105	
II.KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				60					
II.1. Kiến thức cơ sở ngành				27					
II.1.01	2BUS11407	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	45	0	0	105	
II.1.02	2BUS11408	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	45	0	0	105	2BUS11407
II.1.03	2BUS12426	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	3	45	0	0	105	
II.1.04	2BUS12408	Kinh tế lượng	Econometrics	3	45	0	0	105	2BUS21440
II.1.05	2BUS11403	Marketing căn bản	Principles of Marketing	3	45	0	0	105	
II.1.06	2BUS21416	Quản trị học	Fundamentals of Management	3	45	0	0	105	
II.1.07	2BUS12417	Quản trị nguồn nhân lực	Human Resource Management	3	45	0	0	105	2BUS21416
II.1.08	2BUS12412	Quản trị tài chính	Financial Management	3	45	0	0	105	
II.1.09	2BUS13408	Quản trị chiến lược	Strategic Management	3	45	0	0	105	2BUS12417
II.2. Kiến thức chuyên ngành				33					
Bắt buộc				27					
II.2.01	2BUS14431	Chính sách cạnh tranh và phòng vệ thương mại	Competition Policy and Trade Remedies	3	45	0	0	105	2BUS13420
II.2.02	2BUS13427	Kỹ thuật thương mại quốc tế	International Business Techniques	3	45	0	0	105	
II.2.03	2BUS24319	Kinh tế quốc tế (*)	International Economics	3	45	0	0	105	
II.2.04	2BUS13431	Thanh toán quốc tế	International Payment	3	45	0	0	105	
II.2.05	2BUS22411	Đàm phán kinh doanh quốc tế (*)	International Business Negotiation	3	45	0	0	105	

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
II.2.06	2BUS13420	Toàn cầu hóa và hội nhập KTQT của VN	Globalization and International Economic Integration of Vietnam	3	45	0	0	105	2BUS14319
II.2.07	2BUS21405	Marketing quốc tế (*)	International Marketing	3	45	0	0	105	2BUS11403
II.2.08	2BUS4323	Vận tải quốc tế và bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu	International Transport & Import-Export Cargo Insurance	3	45	0	0	105	
II.2.09	2BUS14320	Luật thương mại quốc tế	International Commercial Law	3	45	0	0	105	2GEN0008
Tự chọn (chọn 6 tín chỉ)				6					
II.2.10.01	2BUS13421	Quản lý xuất nhập khẩu	Import-Export Management	3	45	0	0	105	
II.2.10.02	2BUS13426	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	3	45	0	0	105	
II.2.10.03	2BUS4350	Quản trị chất lượng	Quality Management	3	45	0	0	105	
II.2.10.04	2BUS4351	Luật sở hữu trí tuệ	Intellectual Property Law	3	45	0	0	105	
II.2.10.05	2BUS4324	Dịch vụ logistics	Logistics Service	3	45	0	0	105	
II.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				10					
II.3.01	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3					
II.3.02	2CTS8749	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	7					
III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT				16					
Bắt buộc, không tích lũy				16					
III.01	2GEN0001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	National Defense and Security Education	11					
III.02	2GEN0002	Giáo dục thể chất	Physical Education	5	0	150	100	0	

Ghi chú: (*) các môn học bằng tiếng Anh

Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 35 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 20 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

Một giờ học được tính bằng 50 phút.

10.3. Ma trận đáp ứng giữa các môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG														
Lý luận chính trị	M						I					R		
Triết học Mác – Lênin Philosophy of Marxism and Leninism	M						I					R		
Kinh tế chính trị Mác – Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	M						I					R		
Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	M						I					R		
Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Thought	R						I					R		
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	R						I					R		
Khoa học	M	R	R	M	R	R	I	I		R	I	R	R	R
Pháp luật đại cương General Laws	M						I					R		
Toán cao cấp Advanced Mathematics	M						I					R		
Xác suất và thống kê Probability & Statistics	M	R	R	M	R	R		R			I		R	R
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh Business Research Methods	R	R	R		M	R		I		R		R	M	M
Ngoại ngữ			R	M	R	R	R			M	R		R	R
English Proficiency 1			R	M	R	R	R			M	R		R	R
English Proficiency 2			R	M	R	R	R			M	R		R	R
English Proficiency 3			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Tin học	R			M	R	R		R		M			R	R
Công cụ xử lý hình ảnh Image Processing Tools	R			M	R	R		R		M			R	R
Công cụ Quản lý dự án Project Management Tools	R			M	R	R		R		M			R	R
Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu Data Analytics and Visualization Tools	R			M	R	R		R		M			R	R
Văn hoá			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Bắt buộc														
Viết luận Anh English Composition			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Văn hóa Mỹ American Culture			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Tự chọn (03 tín chỉ)														
Viết văn Anh English Expository Writing			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20 20th Century British Novels			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Văn học và Shakespeare Shakespeare & Literature			R	M	R	R	R			M	R		R	R
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP														
Kiến thức cơ sở ngành	R	M	M		R	R	R	M	M	R	R	R	R	R

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Kinh tế vi mô Microeconomics	R	R	R		R	R			I				R	R
Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	R	R	R		R	R			I				R	R
Nguyên lý kế toán Principles of Accounting		R			R	R							R	R
Kinh tế lượng Econometrics		R	R		R	R							R	R
Marketing căn bản Principles of Marketing		M	R		R	R	R			R			R	R
Quản trị học Fundamentals of Management		M	M, A		R	R, A	R	M	M		M			R
Quản trị nguồn nhân lực Human Resource Management		M	M				R	M, A	R		R			R
Quản trị tài chính Financial Management		M	M		R	R			M				R	R
Quản trị chiến lược Strategic Management		R	R		R	R			M			R	R	R
Kiến thức chuyên ngành	R	M	M		M	M	R	R	R		R	R	R	R
Bắt buộc														
Chính sách cạnh tranh và phòng vệ thương mại Competition Policy & Trade Remedies		M	M, A		M	M	R						R	R
Kỹ thuật thương mại quốc tế International Business Techniques		M	M, A		M	M	R						R	R
Kinh tế quốc tế International Economics		R	M		M	M	R						R	R
Thanh toán quốc tế International Payment		M	M		M	M	R						R	R
Đàm phán trong kinh doanh quốc tế International Business Negotiation		M	M, A		R	R	M	R	R		R		R	R
Toàn cầu hóa & hội nhập KTQT của VN Globalization & International Economic Integration of Vietnam		R	M		M	M	R						R	R
Marketing quốc tế International Marketing		R	M		R	R	R		M		M		R	R
Vận tải quốc tế và bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu International Transport & Import- Export Cargo Insurance		M	M, A		M	M	R						R	R
Luật thương mại quốc tế International Commercial Law	R	R				R					R	R		
Tự chọn (06 tín chỉ)														
Quản lý xuất nhập khẩu Import-Export Management		M	M, A		M	M	R						R	R
Quản trị chuỗi cung ứng Supply Chain Management	R	R	R		I				I				I	
Quản trị chất lượng Quality Management	M	M	M	R	R	R			I				R	
Luật sở hữu trí tuệ Intellectual Property Law	M	I	I		I	I						R		

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Dịch vụ Logistics Logistics Service		M	M		M	M	R						R	R
Thực tập và khoá luận tốt nghiệp	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A
Thực tập tốt nghiệp Graduation Internship	R, A	R, A	R, A	R, A	M, A	R, A	R, A	I, A	M, A	M, A	R, A	M, A	R, A	R, A
Khoá luận tốt nghiệp Graduation Thesis	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT														
<i>Bắt buộc, không tích lũy</i>														
Giáo dục Quốc phòng và An ninh National Defense and Security Education	M											M		
Giáo dục thể chất Physical Education	R											R		

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các PLO theo một trong ba mức: **I** (Introduced), **R** ((Reinforced), **M** (Mastery):

- **Mức I (Introduced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- **Mức R (Reinforced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức giới thiệu/bắt đầu. Ở học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế ...;
- **Mức M (Mastery):** Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học đạt được PLO ở mức thành thục/thành thạo;

Học phần cốt lõi - A (Assessed): Học phần bắt buộc hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO. Đây là học phần có ý nghĩa tiên quyết đối với ngành đào tạo chính trong một chương trình, cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức người học đạt được PLO. Trong bảng ma trận, học phần cốt lõi được ký hiệu M,A hoặc R,A hoặc I,A.

10.4. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Học kỳ 1								
1	2BUS11407	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	45	0	0	105	
2	2SOC31494	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	3	45	0	0	105	
3	2BUS11403	Marketing căn bản <i>Principles of Marketing</i>	3	45	0	0	105	
4	2BUS21416	Quản trị học <i>Fundamentals of Management</i>	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK1			12					
Tổng số tín chỉ HK1			12					
Học kỳ 2								

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 1 <i>Physical Education 1</i>	1	0	30	0	20	Không tích lũy
2	2BUS11408	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	45	0	0	105	
3	2BUS21440	Xác suất và thống kê <i>Probability & Statistics</i>	3	45	0	0	105	
4	2BUS24319	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
5	2BUS21405	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
6	2BUS12417	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK2			15					
Tổng số tín chỉ HK2			16					
Học kỳ hè năm 1								
1	2GEN0001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh <i>National Defense and Security Education</i>	11					Không tích lũy
2	2GEN0008	Pháp luật đại cương <i>General Laws</i>	2	30	0	0	70	
3	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin <i>Philosophy of Marxism and Leninism</i>	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè năm 1			5					
Tổng số tín chỉ HK hè năm 1			16					
Học kỳ 3								
1	2LAN22404	English Proficiency 1	4	30	60	0	110	
2	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh <i>Image Processing Tools</i>	2	15	30	0	55	
3	2BUS12408	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	45	0	0	105	
4	2BUS13408	Quản trị chiến lược <i>Strategic Management</i>	3	45	0	0	105	
5	2BUS13420	Toàn cầu hóa và hội nhập KTQT của VN <i>Globalization and International Economic Integration of Vietnam</i>	3	45	0	0	105	
6	Môn tự chọn (chọn 06 tín chỉ)							
6.1	2BUS13426	Quản trị chuỗi cung ứng <i>Supply Chain Management</i>	3	45	0	0	105	
6.2	2BUS4350	Quản trị chất lượng <i>Quality Management</i>	3	45	0	0	105	
6.3	2BUS4351	Luật sở hữu trí tuệ <i>Intellectual Property Law</i>	3	45	0	0	105	
6.4	2BUS13421	Quản lý xuất nhập khẩu <i>Import - Export Management</i>	3	45	0	0	105	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
6.5	2BUS4324	Dịch vụ logistics <i>Logistics Service</i>	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK3			21					
Tổng số tín chỉ HK3			21					
Học kỳ 4								
1	2LAN22505	English Proficiency 2	4	30	60	0	110	
2	2GEN0002	Giáo dục thể chất 2 <i>Physical Education 2</i>	1	0	30	0	20	Không tích lũy
3	2GEN2097	Công cụ Quản lý dự án <i>Project Management Tools</i>	2	15	30	0	55	
4	2BUS12426	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	45	0	0	105	
5	2BUS13427	Kỹ thuật thương mại quốc tế <i>International Business Techniques</i>	3	45	0	0	105	
6	2BUS14431	Chính sách cạnh tranh và phòng vệ thương mại <i>Competition Policy & Trade Remedies</i>	3	45	0	0	105	
7	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2	30	0	0	70	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK4			17					
Tổng số tín chỉ HK4			18					
Học kỳ 5								
1	2LAN22606	English Proficiency 3	5	60	30	0	160	
2	2GEN0002	Giáo dục thể chất 3 <i>Physical Education 3</i>	1	0	30	0	20	không tích lũy
3	2BUS12412	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	3	45	0	0	105	
4	2BUS14320	Luật thương mại quốc tế <i>International Commercial Law</i>	3	45	0	0	105	
5	2BUS22411	Đàm phán kinh doanh quốc tế <i>International Business Negotiation</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
6	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu <i>Data Analytics and Visualization Tools</i>	2	15	30	0	55	
7	Môn tự chọn (chọn 03 tín chỉ)							
7.1	2ENG11492	Viết văn Anh <i>English Expository Writing</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
7.2	2ENG12402	Văn học và Shakespeare <i>Shakespeare & Literature</i>	3	45	0	0	105	
7.3	2ENG11405	Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20 <i>20th Century British Novels</i>	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK5			19					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Tổng số tín chỉ HK5			20					
Học kỳ 6								
1	GEN0013	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	70	
1	2ENG11491	Viết luận Anh <i>English Composition</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
2	2BUS32201	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh <i>Business Research Methods</i>	3	45	0	0	105	
4	2BUS4323	Vận tải quốc tế và bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu <i>International Transport & Import-Export Cargo Insurance</i>	3	45	0	0	105	
5	2BUS13431	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3	45	0	0	105	
6	2GEN0002	Giáo dục thể chất 4 <i>Physical Education 4</i>	1	0	30	0	20	Không tích lũy
7	2SOC11490	Văn hóa Mỹ <i>American Culture</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
Tổng số tín chỉ tích lũy HK6			17					
Tổng số tín chỉ HK6			18					
Học kỳ hè năm 3								
1	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Thought</i>	2	30	0	0	70	
2	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	30	0	0	70	
3	2GEN0002	Giáo dục thể chất 5 <i>Physical Education 5</i>	1	0	30	0	20	Không tích lũy
Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè năm 3			4					
Tổng số tín chỉ HK hè năm 3			5					
Học kỳ 7								
1	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation Internship</i>	3					
2	2CTS8749	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	7					
Tổng số tín chỉ tích lũy HK7			10					
Tổng số tín chỉ HK7			10					

LÝ HOẠCH GIÁNG DẠY CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế đối ngoại – Trang 14 của 24

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.
- Các môn học được phân công giảng dạy bởi khoa/đơn vị quản lý môn học và được giảng dạy theo đề cương chi tiết môn học thống nhất đã được phê duyệt.
- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá môn học được thực hiện theo Quy chế học vụ và các quy chế, quy định có liên quan của Trường Đại học Sư phạm Quốc tế Sài Gòn.

13. Mô tả môn học:

13.1. *Triết học Mác-Lênin:*

Học phần có 11 chương, bao gồm 2 lĩnh vực chính:

- Những nguyên lý, quy luật, phạm trù của Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- Những quy luật, những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

13.2. *Kinh tế chính trị Mác-Lênin*

Thứ nhất: Những nội dung cơ bản về lý luận kinh tế chính trị: Nguồn gốc, quá trình hình thành kinh tế chính trị Mác - Lênin; Lý luận về hàng hóa - tiền tệ và giá trị thặng dư; về chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Thứ hai: Các nội dung của kinh tế chính trị thời kỳ quá độ ở Việt Nam: Thời kỳ quá độ và các nội dung nhiệm vụ kinh tế - chính trị, sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta đối với các nhiệm vụ, nội dung của thời kỳ quá độ.

13.3. *Chủ nghĩa xã hội khoa học*

Môn học có 10 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

13.4. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*

Gồm 5 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)

13.5. *Tư tưởng Hồ Chí Minh*

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

13.6. *Pháp luật đại cương*

Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà

nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; Một số nội dung cơ bản của Luật Hành Chính, Luật Dân Sự, Luật Hình Sự

13.7. Văn hóa Mỹ

Môn học này cung cấp cho sinh viên những quy tắc cơ bản của 1 văn bản hay, lời khuyên thiết thực cho một tác phẩm và một số kỹ năng viết cơ bản, đồng thời giúp sinh viên thực hành những kỹ năng đó. Sinh viên sẽ nghiên cứu các cách xây dựng, phát triển các bài tiểu luận và viết văn xuôi.

13.8. Viết luận Anh

Môn học được thiết kế nhằm cải thiện khả năng tư duy và kỹ năng giao tiếp mạch lạc và mang tính phản biện cho sinh viên, nhấn mạnh vào quá trình rèn luyện kỹ năng viết. Sinh viên sẽ được yêu cầu đọc và phân tích các đoạn văn xuôi cũng như lưu trữ và tổng hợp và các nguồn tài liệu. Môn học này được thiết kế nhằm giúp sinh viên cải thiện kỹ năng viết và nghiên cứu các chiến lược viết nhằm giúp cho sinh viên đạt được thành công cả trong môi trường đại học lẫn tại các nơi khác. Việc viết tốt đòi hỏi tư duy phê phán và kỹ năng đọc, cũng như khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả, chính vì vậy, môn học sẽ tạo điều kiện cho sinh viên phân tích các bài tiểu luận cũng như luyện tập các kỹ thuật viết khác nhau.

13.9. Viết văn Anh

Mỗi sinh viên sẽ được yêu cầu thể hiện sự thành thạo tăng tiến dần ở mỗi dạng văn viết, chẳng hạn như nguyên nhân và hệ quả, so sánh và tương phản, cũng như một số kỹ thuật viết văn cơ bản như tường thuật, mô tả, đánh giá, phân tích và lập luận / thuyết phục. Mỗi sinh viên phải viết về các chủ đề, sau đó tiến tới mở rộng và phát triển chủ đề đó thành một đề tài cụ thể nhằm thể hiện một cách hiệu quả và nhất quán ý tưởng trung tâm của bài văn. Môn học sẽ đặt trọng tâm vào các nguyên tắc cơ bản trong viết văn như tính thống nhất, tính mạch lạc, tính chuyển tiếp và cú pháp. Trong suốt thời gian khóa học, sinh viên sẽ phải hoàn thành ba bản báo cáo môn học cơ bản bằng cách sử dụng nguồn tài liệu của Hiệp hội Ngôn ngữ Hiện đại (MLA).

Môn học này nhằm mục đích truyền đạt một cách rõ ràng cho sinh viên các vấn đề xoay quanh nền văn học đa sắc tộc. Môn học này cũng cung cấp một nền tảng kiến thức vững chắc để từ đó sinh viên có thể học chuyển tiếp lên các môn học văn học nâng cao hơn.

13.10. Văn học và Shakespeare

Làm sao để nói về những tác phẩm kịch đầu tiên của Shakespeare như vở Titus Andronicus, Romeo & Juliet, Richard II hay Richard III? Một số nhân vật đáng nhớ nhất của Shakespeare đến từ các vở kịch mà ông viết trong quãng thời gian trước năm 1600. Falstaff, Shylock, Mercutio, Beatrice và Puck đều được sáng tác trước những nhân vật mà nhiều nhà phê bình vẫn coi là thành tựu lớn nhất của Shakespeare như Lady Macbeth, Prince Hamlet, Othello hoặc Lear. Có cần thiết

phải phân biệt Shakespeare buổi mới vào nghề với Shakespeare khi đã thành danh không? Có cần phải phân biệt nét khác biệt giữa Falstaff và Iago không? Giữa Hoàng tử Hal và Hoàng tử Hamlet không?

Trong môn học này, chúng ta sẽ cùng nghiên cứu các tác phẩm của Shakespeare thuở mới vào nghề để trả lời cho câu hỏi liệu có cần thiết phải tách bạch giữa các tác phẩm này với các tác phẩm sau này của vị kịch gia. Mục tiêu của chúng ta trong suốt Môn học là nghiên cứu những câu hỏi bắt nguồn từ các vở kịch được Shakespeare sáng tác trong những năm đầu sự nghiệp, những câu hỏi góp phần định hình các cuộc thảo luận về những kiệt tác sau này của ông. Làm sao những vở kịch đầu tay này trả lời được cho các câu hỏi về giới tính, tình dục, quyền lực và đẳng cấp. Làm sao để thấm nhuần ý nghĩa của những vở kịch như Hamlet thông qua lăng kính mà bạn có được khi đọc xong Titus Andronicus – để từ đó, hiểu rõ hơn về “sự trưởng thành” trong vai trò là kịch gia của Shakespeare?

Các tác phẩm của William Shakespeare đã và đang là chủ đề của nhiều bài phê bình văn học và lịch sử vĩ đại. Môn học này nhằm mục đích cung cấp một cái nhìn tổng quan về bản chất của các bài phê bình bằng cách khám phá các khía cạnh về mặt lý thuyết trong các tác phẩm của Shakespeare. Các ý tưởng chính được lồng ghép trong Môn học này bao gồm các ý tưởng trong các lĩnh vực như phân tâm học, chủ nghĩa lịch sử mới, chủ nghĩa duy vật văn hóa, chủ nghĩa hiện thực mới, nghiên cứu về giới và lý thuyết đồng tính và phê bình hậu chủ nghĩa thực dân. Nhìn chung, sinh viên sẽ có cơ hội khám phá một cách có chiều sâu và ứng dụng của những lý thuyết này cũng như những các lý thuyết, tư tưởng khác liên quan đến các tác phẩm của Shakespeare.

13.11. Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20

Môn học này được thiết kế để giới thiệu cho sinh viên về các phong trào văn học ở Anh trong suốt thế kỷ 20. Nội dung môn học sẽ tập trung vào những thay đổi chính trị xã hội diễn ra liên tục trong xã hội Anh thời Hiện đại và Hậu hiện đại. Sinh viên sẽ áp dụng các phương thức như journaling (hình thức ghi chú gần giống với ghi nhật ký), thảo luận trên lớp, viết bài tiểu luận và thuyết trình nhằm đánh giá tác động của Chủ nghĩa đế quốc lên thế giới thời hiện đại và vai trò của kể chuyện thông qua tiểu thuyết viễn tưởng.

13.12. Ngoại ngữ

Đây là nội dung ngoại ngữ nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ TOEIC 500 đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

13.13. Tin học

Các môn tin học trang bị cho sinh viên khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh những kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Bao gồm 03 học phần:

13.13.1. Công cụ xử lý hình ảnh

Adobe Photoshop (gọi tắt là Photoshop) là một trong những phần mềm chỉnh sửa ảnh tốt nhất, giúp sinh viên thỏa sức sáng tạo, giúp biến những hình ảnh bình thường trở thành kiệt tác. Bằng phương pháp giảng dạy đơn giản, dễ hiểu, kết hợp thực hành, học phần sẽ giúp học viên biết cách sử dụng các công cụ, tính năng trong Photoshop; từ đó học viên sẽ tự tay chỉnh sửa và sáng tạo nên được những bức ảnh trở nên sống động, sáng tạo theo ý thích riêng, cùng với hiệu ứng chữ đẹp mắt, ... Khóa học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức và tư duy thiết kế mà không phải khóa học nào cũng tích hợp và truyền tải tới học viên của mình, từ những kiến thức về bố cục ảnh, bộ lọc màu phù hợp, hiệu ứng phù hợp cho tới tư duy màu sắc thiết kế, ...

13.13.2. Công cụ quản lý dự án

Học phần giúp sinh viên hiểu về cách lập tiến độ thi công, hiểu sâu, cách làm project và sử dụng thành thạo các công cụ trong MS Project để lập tiến độ thi công, lập tiến độ thi công sát với thực tế, lập tiến độ bằng Project chuyên nghiệp.

13.13.3. Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu

Giúp SV có kiến thức cơ bản về phương pháp, kỹ thuật cụ thể, khi xử lý số liệu bằng phần mềm chuyên dụng SPSS, góp phần hình thành kỹ năng xử lý và phân tích số liệu nhằm nâng cao giá trị khoa học của các số liệu nghiên cứu. Nắm vững và sử dụng thành thạo các công cụ phân tích định lượng để áp dụng vào các bài nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp Đại học, luận văn Thạc sĩ, luận án Tiến sĩ, ... Có các kỹ năng cơ bản về: Nghiên cứu định lượng, chọn mẫu, Cronbach's Alpha, EFA, tương quan và hồi quy đơn, tương quan và hồi quy bội, kiểm định giả thuyết về trị trung bình...

13.14. Toán cao cấp

Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vector số học n chiều; ma trận và định thức; hệ phương trình tuyến tính; dạng toàn phương; hàm số và giới hạn; phép tính vi phân đối với hàm số một biến số; hàm nhiều biến và hàm ẩn; các bài toán cực trị; phép tính tích phân; phương trình vi phân; phương trình sai phân.

13.15. Xác suất và thống kê

Học phần được kết cấu thành 2 phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung:

Phần xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên

Phần thống kê bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học;

Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

13.16. Giáo dục thể chất

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT, ngày 12/09/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

13.17. Giáo dục Quốc phòng và An ninh

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

13.18. Kinh tế vi mô

Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo

13.19. Kinh tế vĩ mô

Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế. Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

13.20. Marketing căn bản

Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý Marketing và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing; Môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; Nhận dạng nhu cầu và hành vi của khách hàng; Phương pháp luận nghiên cứu Marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm: các chiến lược thị trường, các chính sách Marketing căn bản và tổ chức quản trị Marketing của doanh nghiệp.

13.21. Nguyên lý kế toán

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; Các phương pháp kế toán; Quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

13.22. Kinh tế lượng

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy moat phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang

bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

13.23. Quản trị học

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Khái niệm và bản chất của quản trị; Các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

13.24. Quản trị chiến lược

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.

13.25. Quản trị nhân sự

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của Quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.

13.26. Quản trị tài chính

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm phân tích rủi ro, lập kế hoạch tài chính, cơ cấu vốn, lượng giá và chi phí vốn.

13.27. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và công cụ cần thiết để tiến hành một nghiên cứu có tính hệ thống và tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu các bước thực hiện một nghiên cứu từ bước đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thiết kế nghiên cứu, thu thập thông tin, xử lý thông tin... cho đến bước hoàn thành và báo cáo đề tài nghiên cứu.

13.28. Quản lý chuỗi cung ứng

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật quản trị hậu cần cũng như xây dựng hệ thống quản trị 2 chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Có khả năng nắm được những hoạt động hậu cần bên

trong doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

13.29. Quản trị chất lượng

Hiện nay Quản trị chất lượng đã trở thành một hoạt động cần thiết trong tình hình hiện nay nhất là khi VN gia nhập WTO hội nhập kinh tế quốc tế, quản lý chất lượng rất cần đối với sự phát triển của các tổ chức thông qua việc tập trung vào hiệu quả của hệ thống quản lý và sự thỏa mãn của khách hàng.

Môn học này nhằm khái quát những khái niệm cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng, các hệ thống chất lượng và cung cấp một số công cụ, kỹ thuật trong quản lý chất lượng để thực hiện cải tiến chất lượng trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ.

Cung cấp cho SV những kiến thức căn bản về quản trị chất lượng và vai trò của nó đối với sự phát triển bền vững của các tổ chức. SV có cơ hội tiếp cận các cách thức quản trị chất lượng hiệu quả tại các doanh nghiệp Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới. Thông qua môn học, SV có nhiều cơ hội để thảo luận, nhận dạng những vấn đề về quản trị chất lượng, được chia sẻ những kiến thức và kinh nghiệm về quản trị chất lượng, từ đó giúp SV có khả năng vận dụng các kiến thức của môn học để giải quyết các vấn đề quản trị chất lượng cũng như định hướng triển khai hệ thống quản lý chất lượng thích hợp tại tổ chức, đơn vị mình sau này

13.30. Luật sở hữu trí tuệ

Thông tin được cung cấp trong môn học này tập trung vào hai nhóm vấn đề:

Thứ nhất, giới thiệu khái quát các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ. Trong phần này SV sẽ được giới thiệu về lịch sử phát triển của sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, hệ thống các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ, được phân tích về ý nghĩa, vai trò của các điều ước quốc tế trong việc thúc đẩy bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên phạm vi toàn cầu và sự tác động đến hệ thống pháp luật mỗi quốc gia, đặc biệt đối với Việt Nam trong quá trình đàm phán gia nhập WTO và khi đã là thành viên của WTO

Thứ hai, phân tích nội dung các điều ước quốc tế quan trọng trong hệ thống bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ hiện nay. Vì đây là phần trọng tâm của môn học nên GV sẽ tập trung vào các vấn đề sau: Phân tích nội dung Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ; Phân tích nội dung các điều ước quốc tế mà Hiệp định Trips yêu cầu các nước thành viên WTO phải tuân thủ; Phân tích nội dung các điều ước quốc tế về xác lập quyền đối với sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp.

13.31. Chính sách cạnh tranh và phòng vệ thương mại

Học phần này gồm 4 chương. Chương 1 nêu tóm tắt các văn bản của WTO mà Việt nam là thành viên liên quan đến cạnh tranh, bán phá giá, phòng vệ thương mại. Chương 2 Phân tích những

văn bản pháp quy của Việt Nam liên quan đến vấn đề trên. Chương 3 nói về giải quyết tranh chấp theo quy định WTO và thực tiễn các nước áp dụng nhất là với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Chương 4 phân tích những nguy cơ khi VN gia nhập FTAs, TPP, và AEC liên quan đến bán phá giá và phòng vệ thương mại cũng như các giải pháp phòng ngừa.

13.32. Kỹ thuật thương mại quốc tế

Học phần này cung cấp kiến thức giúp sinh viên hiểu được khi thực hiện kinh doanh xuất nhập khẩu –thương mại quốc tế thì phải làm gì? các bước và kỹ thuật thực hiện chúng trong thực tế ra sao? Cụ thể là các kiến thức về cách thức mua bán, các điều kiện thương mại và nội dung của hợp đồng thương mại quốc tế. Sinh viên cũng được cung cấp kiến thức cụ thể về nghĩa vụ trách nhiệm của các bên trong hợp đồng thương mại quốc tế và cách thức từng bước thực hiện các nghĩa vụ đó kể cả việc lập các chứng từ cần thiết để chứng minh hoàn thành nghĩa vụ quy định trong hợp đồng thương mại quốc tế.

13.33. Kinh tế quốc tế

Kinh tế học quốc tế là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên hiểu biết về các khái niệm kinh tế học quốc tế, các lý thuyết và mô hình kinh tế quốc tế và các chính sách, các công cụ nhằm thực thi chính sách của chính phủ trong việc điều hành hoạt động kinh tế quốc tế.

Để đạt được các mục tiêu trên, môn học nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ và sự di chuyển các nguồn lực kinh tế (lao động, vốn). Môn học cung cấp hệ thống các học thuyết kinh tế quốc tế, các công cụ chính sách thương mại quốc tế và những phân tích cơ bản về cán cân thanh toán quốc tế và tỷ giá hối đoái.

13.34. Thanh toán quốc tế

Môn học nghiên cứu những vấn đề: Cơ sở của việc thanh toán quốc tế: phương tiện thanh toán quốc tế và bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế và phương thức thanh toán quốc tế: phương thức chuyển tiền, phương thức nhờ thu, phương thức tín dụng chứng từ và các phương thức thanh toán quốc tế khác...

13.35. Đàm phán kinh doanh quốc tế

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đàm phán nói chung và đàm phán ngoại giao quốc tế nói riêng từ góc độ khoa học (những kết quả nghiên cứu khoa học cơ bản liên quan đến đàm phán), nghệ thuật (sự vận dụng lý thuyết và kinh nghiệm một cách hiệu quả, sáng tạo) và nghiệp vụ (với tư cách là một chức năng của ngoại giao). Nhiều góc độ của đàm phán sẽ được phân tích như lợi ích, luật pháp, quyền lực, đạo đức, yếu tố tâm lý, cảm xúc, thời gian, văn hoá ...trên cơ sở hệ thống tri thức đa ngành trong môi trường quốc tế (chính trị học, kinh tế học, tâm lý học, xã hội học và văn hoá học).

Trang bị cho sinh viên cách làm việc nhóm, cách dùng từ ngữ, nói chuyện, diễn giải để có thể gây chú ý và thuyết phục được người nghe. Trang bị kỹ năng mềm cho các sinh viên năm cuối, chuẩn bị tốt nghiệp trong việc chuẩn bị xin việc, đi phỏng vấn và giao tiếp xã hội.

13.36. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Chương 1 trình bày những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa, bao gồm bản chất, xu hướng phát triển, đặc trưng của toàn cầu hóa cũng như cơ hội và thách thức với các quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển.

Chương 2 làm rõ quan điểm của Đảng và nhà nước Việt nam về hội nhập kinh tế quốc tế trong xu hướng toàn cầu hóa cũng như các giải pháp để đảm bảo phát triển kinh tế hiệu quả bền vững trong quá trình hội nhập.

Chương 3. Chương này làm rõ các hình thức liên kết kinh tế quốc tế và Việt nam đã và đang thực hiện các hình thức liên kết đó ra sao, những kết quả đạt được và tiếp tục trong thời gian tới. Chương này cũng chú trọng đến việc đàm phán tham gia các khu vực mậu dịch tự do với EU, TPP và với các quốc gia khác.

Chương 4. Chương này nói về vai trò của doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế. Mỗi quan hệ giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước trong việc thông tin, hỗ trợ kiến thức hội nhập, và các quy định mà doanh nghiệp cần chú ý thực hiện trong quá trình kinh doanh quốc tế. Điều đó giúp cho doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và dễ dàng vượt qua các rào cản thuế quan và phi thuế quan trong kinh doanh thương mại quốc tế.

13.37. Marketing quốc tế

Môn học này trình bày những khái niệm và những công cụ để phân tích các chiến lược marketing quốc tế và đánh giá thị trường nước ngoài. Môn học này tập trung vào những kỹ năng nghiên cứu marketing để phát triển, đánh giá và thực hiện những kế hoạch marketing quốc tế ở các cấp độ doanh nghiệp, quốc gia và khu vực dựa trên 4P của marketing.

13.38. Vận tải quốc tế và bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu

Đây là môn học thuộc chuyên ngành Kinh tế đối ngoại nhằm trang bị giúp sinh viên hiểu cơ bản về lý thuyết thế nào là vận tải, những yêu cầu của các nghiệp vụ thuê phương tiện vận tải hàng hóa và tranh chấp xảy ra (nếu có). Ngoài ra, khi mua bảo hiểm hàng hóa cần những gì, khi có tổn thất thì phải đòi bồi thường thế nào.

13.39. Dịch vụ logistics

Logistics là môn học nghiên cứu sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất đồng thời nghiên cứu sâu việc tổ chức chuyên chở hàng hóa bằng các phương thức vận tải khác nhau: đường biển, đường sắt, đường hàng không, container, vận tải đa phương thức...

Môn học nghiên cứu tính quy luật của các hoạt động cung ứng và đảm bảo các yếu tố tổ chức, vật chất và kỹ thuật để cho quá trình chính yếu được tiến hành đúng mục tiêu. Trong sản xuất kinh doanh, Logistics đề cập đến việc tối thiểu hóa chi phí, từ việc mua sắm nguyên vật liệu cho tới việc lập, thực hiện kế hoạch sản xuất, giao hàng, bố trí kho bãi và dự trữ.

13.40. Quản trị xuất nhập khẩu

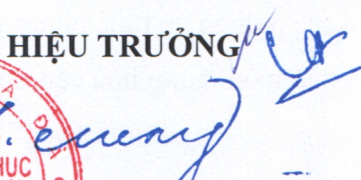
Môn học sẽ cung cấp một cái nhìn tổng quan toàn diện về tất cả các khía cạnh và khái niệm chính về phát triển thị trường mới thông qua thương mại quốc tế. Sẽ có sự kết hợp giữa lý thuyết và ứng dụng kinh doanh thực tế của lý thuyết. Môn học kiểm tra các mục chính trong bốn lĩnh vực quản lý kinh doanh toàn cầu, tiếp thị toàn cầu, quản lý chuỗi cung ứng và tài chính thương mại. Học sinh sẽ tập trung vào một nhóm các quốc gia thể hiện sự đa dạng của các thách thức trong bốn lĩnh vực này của thế giới kinh doanh quốc tế. Mặc dù kinh doanh ở một quốc gia tương đối đơn giản, việc tiến hành kinh doanh ở nhiều quốc gia đưa ra nhiều thách thức khác nhau và đòi hỏi một bộ kiến thức mở rộng để hoạt động hiệu quả và hiệu quả.

Môn học sẽ tập trung vào các vấn đề liên quan đến xuất nhập khẩu và sẽ tập trung phát triển các kỹ năng của sinh viên để quản lý một doanh nghiệp nhỏ với trọng tâm là doanh nhân mở rộng kinh doanh ra ngoài thị trường nội địa.

13.41. Luật thương mại quốc tế

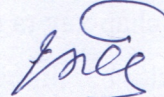
Học phần Luật thương mại Quốc tế thuộc học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế, những điều chỉnh trong nước cũng như quốc tế về những hoạt động thương mại mang tính quốc tế, cùng với các môn khác được đào tạo trong chuyên ngành, học phần Luật thương mại quốc tế giúp sinh viên người học có được kiến thức toàn diện nhất để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và thông lệ Quốc tế.

Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương các môn học trong CTĐT.

HIỆU TRƯỞNG 

TS. Phạm Quý Ty

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn